

Số: 2670/QĐ-UBND

Hải Dương, ngày 01 tháng 9 năm 2017

### QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý  
của Sở Tư pháp Hải Dương

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 988/TTr-STP ngày 25/8/2017.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này là danh mục và nội dung thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Tư pháp, như sau:

**1. Thủ tục hành mới ban hành:** 220 thủ tục, trong đó:

a) Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp: 139 thủ tục.

b) Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND các huyện, thị xã, thành phố: 39 thủ tục.

c) Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND các xã, phường, thị trấn: 42 thủ tục.

*(Chi tiết: Có Phụ lục I - Danh mục và nội dung thủ tục hành chính đính kèm và được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp và Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh).*

**2. Thủ tục hành chính bãi bỏ:** 182 thủ tục, cụ thể:

Bãi bỏ 41 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp đã được công bố tại Quyết định số 374/QĐ-UBND ngày 23/01/2014 và 141 thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Tư pháp đã được công bố tại Quyết định số 2455/QĐ-UBND ngày 09/6/2016 của Chủ tịch

UBND tỉnh Hải Dương về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp Hải Dương.

(Chi tiết: Có Phụ lục II - Danh mục thủ tục hành chính bãi bỏ đính kèm)

**Điều 2.** Giám đốc Sở Tư pháp chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị và UBND các huyện, thị xã, thành phố công khai và giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định; đồng thời tổ chức niêm yết công khai, cập nhật đầy đủ thủ tục hành chính và các văn bản quy định thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính đảm bảo kịp thời, đầy đủ, chính xác.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Trung tâm Trợ giúp pháp lý, các tổ chức hành nghề công chứng, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. /: *mech*

*Nơi nhận:*

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Trung tâm CNTT – VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT. NC

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lương Văn Cầu**

**Phục lục I**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÔNG BỐ MỚI**  
*(Kèm theo Quyết định số 2670/QĐ-UBND*  
*ngày 07/9/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh)*



**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	Cơ quan thực hiện
<b>I</b>	<b>LĨNH VỰC LUẬT SƯ</b>	
1.	Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	Sở Tư pháp
2.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	Sở Tư pháp
3.	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên	Sở Tư pháp
4.	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh	Sở Tư pháp
5.	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư	Sở Tư pháp
6.	Chấm dứt hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	Sở Tư pháp
7.	Đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân	Sở Tư pháp
8.	Đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	Sở Tư pháp
9.	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	Sở Tư pháp
10.	Hợp nhất công ty luật	Sở Tư pháp
11.	Sáp nhập công ty luật	Sở Tư pháp
12.	Chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh	Sở Tư pháp
13.	Chuyển đổi văn phòng luật sư thành công ty luật	Sở Tư pháp
14.	Thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư, chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư	Sở Tư pháp
15.	Đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam chuyển đổi từ công ty luật nước ngoài	Sở Tư pháp
16.	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam	Sở Tư pháp
17.	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	Sở Tư pháp

<b>II.</b>	<b>LĨNH VỰC TƯ VẤN PHÁP LUẬT</b>	
1.	Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật	Sở Tư pháp
2.	Đăng ký hoạt động cho chi nhánh của Trung tâm tư vấn pháp luật	Sở Tư pháp
3.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh	Sở Tư pháp
4.	Chấm dứt hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật trong trường hợp theo quyết định của tổ chức chủ quản	Sở Tư pháp
5.	Chấm dứt hoạt động Trung tâm tư vấn pháp luật trong trường hợp bị thu hồi giấy đăng ký hoạt động	
6.	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh Trung tâm tư vấn pháp luật	Sở Tư pháp
7.	Thu hồi giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh	Sở Tư pháp
8.	Cấp thẻ tư vấn viên pháp luật	Sở Tư pháp
9.	Thu hồi thẻ tư vấn viên pháp luật	Sở Tư pháp
10.	Cấp lại thẻ tư vấn viên pháp luật	Sở Tư pháp
<b>III.</b>	<b>LĨNH VỰC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ</b>	
1.	Thủ tục yêu cầu trợ giúp pháp lý	Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh.
2.	Thủ tục thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý	Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh.
3.	Thủ tục công nhận và cấp thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	Sở Tư pháp tỉnh
4.	Thủ tục cấp lại Thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	Sở Tư pháp tỉnh
5.	Thủ tục thu hồi Thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	Sở Tư pháp tỉnh
6.	Thủ tục đề nghị thanh toán chi phí thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý	Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh.
<b>IV</b>	<b>LĨNH VỰC CÔNG CHỨNG</b>	
1.	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng	Sở Tư pháp
2.	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng này sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Sở Tư pháp
3.	Thay đổi nơi tập sự từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	Sở Tư pháp

4.	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng trường hợp Người tập sự thay đổi nơi tập sự sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	Sở Tư pháp
5.	Tạm ngừng tập sự hành nghề công chứng	Sở Tư pháp
6.	Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	Sở Tư pháp
7.	Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	Sở Tư pháp
8.	Từ chối hướng dẫn tập sự (trường hợp tổ chức hành nghề công chứng không có công chứng viên khác đủ điều kiện hướng dẫn tập sự)	Sở Tư pháp
9.	Thay đổi công chứng viên hướng dẫn tập sự trong trường hợp người tập sự đề nghị thay đổi	Sở Tư pháp
10.	Thủ tục Thay đổi công chứng viên hướng dẫn tập sự trong trường hợp tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự tạm ngừng hoạt động, chấm dứt hoạt động hoặc bị chuyển đổi, giải thể	Sở Tư pháp
11.	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng	Sở Tư pháp
12.	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên	Sở Tư pháp
13.	Cấp lại Thẻ công chứng viên	Sở Tư pháp
14.	Xóa đăng ký hành nghề của công chứng viên	Sở Tư pháp
15.	Thành lập Văn phòng công chứng	UBND cấp tỉnh, Sở Tư pháp
16.	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng	Sở Tư pháp
17.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng	Sở Tư pháp
18.	Chấm dứt hoạt động Văn phòng công chứng (trường hợp tự chấm dứt)	Sở Tư pháp
19.	Chấm dứt hoạt động Văn phòng công chứng (trường hợp bị thu hồi Quyết định cho phép thành lập)	Sở Tư pháp
20.	Thu hồi Quyết định cho phép thành lập Văn phòng công chứng	Sở Tư pháp
21.	Hợp nhất Văn phòng công chứng	Sở Tư pháp
22.	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng hợp nhất	Sở Tư pháp
23.	Sáp nhập Văn phòng công chứng	Sở Tư pháp
24.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập	Sở Tư pháp
25.	Chuyển nhượng Văn phòng công chứng	Sở Tư pháp

26.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng được chuyển nhượng	Sở Tư pháp
27.	Chuyển đổi Văn phòng công chứng do một công chứng viên thành lập	Sở Tư pháp
28.	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng được chuyển đổi từ Văn phòng công chứng do một công chứng viên thành lập	Sở Tư pháp
29.	Thành lập Hội công chứng viên	Sở Tư pháp
30.	Công chứng bản dịch	Tổ chức hành nghề công chứng
31.	Công chứng hợp đồng, giao dịch soạn thảo sẵn	Tổ chức hành nghề công chứng
32.	Công chứng hợp đồng, giao dịch do công chứng viên soạn thảo theo đề nghị của người yêu cầu công chứng	Tổ chức hành nghề công chứng
33.	Công chứng việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	Tổ chức hành nghề công chứng
34.	Công chứng hợp đồng thế chấp bất động sản	Tổ chức hành nghề công chứng
35.	Công chứng di chúc	Tổ chức hành nghề công chứng
36.	Công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản	Tổ chức hành nghề công chứng
37.	Công chứng văn bản khai nhận di sản	Tổ chức hành nghề công chứng
38.	Công chứng văn bản từ chối nhận di sản	Tổ chức hành nghề công chứng
39.	Công chứng hợp đồng ủy quyền	Tổ chức hành nghề công chứng
40.	Nhận lưu giữ di chúc	Tổ chức hành nghề công chứng
41.	Cấp bản sao văn bản công chứng	Tổ chức hành nghề công chứng
<b>V.</b>	<b>LĨNH VỰC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP</b>	
1.	Bổ nhiệm giám định viên tư pháp	Người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
2.	Miễn nhiệm giám định viên tư pháp	Người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy

		ban nhân dân cấp tỉnh.
3.	Cấp phép thành lập văn phòng giám định tư pháp	Sở Tư pháp.
4.	Đăng ký hoạt động văn phòng giám định tư pháp	Sở Tư pháp
5.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp	Sở Tư pháp
6.	Thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định của Văn phòng giám định tư pháp	Sở Tư pháp
7.	Chuyển đổi loại hình Văn phòng giám định tư pháp	Sở Tư pháp
8.	Thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp	Sở Tư pháp
9.	Chấm dứt hoạt động Văn phòng giám định tư pháp	Sở Tư pháp
10.	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở, người đại diện theo pháp luật của Văn phòng	Sở Tư pháp
11.	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp Giấy đăng ký hoạt động bị hư hỏng hoặc bị mất	Sở Tư pháp
<b>VI.</b>	<b>BÁN ĐẤU GIÁ TÀI SẢN</b>	
1.	Thủ tục đăng ký danh sách đấu giá viên	Sở Tư pháp
<b>VII.</b>	<b>TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI</b>	
1.	Đăng ký hoạt động của Trung tâm Trọng tài	Sở Tư pháp
2.	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm Trọng tài	Sở Tư pháp
3.	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm Trọng tài	Sở Tư pháp
4.	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài	Sở Tư pháp
5.	Thu hồi giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài	Sở Tư pháp
6.	Chấm dứt hoạt động của Chi nhánh/Văn phòng đại diện Trung tâm trọng tài	Sở Tư pháp
7.	Đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Sở Tư pháp
8.	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Sở Tư pháp
9.	Thu hồi Giấy đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Sở Tư pháp
10.	Thông báo về việc thành lập Văn phòng đại diện của Tổ	Sở Tư pháp

	chức Trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	
11.	Thông báo thay đổi Trưởng Văn phòng đại diện, địa điểm đặt trụ sở của Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Sở Tư pháp
12.	Thông báo thay đổi địa điểm đặt trụ sở của Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	Sở Tư pháp
13.	Thông báo thay đổi địa điểm đặt trụ sở của Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	Sở Tư pháp
14.	Thông báo thay đổi địa điểm đặt trụ sở của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh trung tâm trọng tài sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	Sở Tư pháp
15.	Thông báo về việc thành lập Chi nhánh/Văn phòng đại diện của Trung tâm trọng tài tại nước ngoài	Sở Tư pháp
16.	Thông báo về việc thành lập Văn phòng đại diện của Trung tâm trọng tài	Sở Tư pháp
17.	Thông báo về việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở, Trưởng Văn phòng đại diện của Trung tâm trọng tài	Sở Tư pháp
18.	Thông báo thay đổi danh sách trọng tài viên	Sở Tư pháp
19.	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Sở Tư pháp
<b>VIII</b>	<b>LĨNH VỰC QUẢN TÀI VIÊN</b>	
1.	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	Sở Tư pháp
2.	Chấm dứt hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	Sở Tư pháp
3.	Thông báo việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	Sở Tư pháp
4.	Thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh hoặc thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	Sở Tư pháp
5.	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	Sở Tư pháp
6.	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của Quản tài viên	Sở Tư pháp
7.	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	Sở Tư pháp
8.	Tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với	Sở Tư pháp



	Quản tài viên	
9.	Tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	Sở Tư pháp
10.	Gia hạn việc tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	Sở Tư pháp
11.	Hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản trước thời hạn đối với Quản tài viên	Sở Tư pháp
12.	Hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản trước thời hạn đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	Sở Tư pháp
<b>IX</b>	<b>LĨNH VỰC PHỔ BIẾN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT</b>	
1.	Thủ tục công nhận Báo cáo viên pháp luật	Sở Tư pháp
2.	Thủ tục miễn nhiệm Báo cáo viên pháp luật	Sở Tư pháp
<b>X</b>	<b>LĨNH VỰC CHỨNG THỰC</b>	
1.	Cấp bản sao từ gốc	Các cơ quan nhà nước quản lý sổ gốc
2.	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận.	Các Tổ chức hành nghề công chứng
3.	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được)	Các tổ chức hành nghề công chứng
<b>XI</b>	<b>LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI</b>	
1.	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	Sở Tư pháp
2.	Ghi chú việc nuôi con nuôi đã đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Sở Tư pháp
3.	Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	Sở Tư pháp
<b>XII</b>	<b>LĨNH VỰC LÝ LỊCH TƯ PHÁP</b>	
1.	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam	Sở Tư pháp
2.	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam)	Sở Tư pháp
3.	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan tiến hành tố tụng (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú	Sở Tư pháp

	tại Việt Nam)	
<b>XIII</b>	<b>LĨNH VỰC QUỐC TỊCH</b>	
1.	Thủ tục thông báo có Quốc tịch nước ngoài	Sở Tư pháp
2.	Thủ tục xác nhận là người gốc Việt Nam	Sở Tư pháp
3.	Thủ tục nhập quốc tịch Việt Nam	Sở Tư pháp
4.	Thủ tục trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước	Sở Tư pháp
5.	Thủ tục thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước	Sở Tư pháp
6.	Thủ tục cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước	Sở Tư pháp
<b>XI</b>	<b>LĨNH VỰC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC</b>	
7.	Thủ tục xác định cơ quan có trách nhiệm bồi thường	UBND tỉnh
8.	Thủ tục giải quyết bồi thường tại cơ quan có trách nhiệm bồi thường	Cơ quan có trách nhiệm bồi thường;
9.	Thủ tục chuyển giao quyết định giải quyết bồi thường	Đại diện cơ quan có trách nhiệm bồi thường; đại diện UBND cấp xã nơi cá nhân bị thiệt hại cư trú hoặc nơi tổ chức bị thiệt hại đặt trụ sở, trong trường hợp chuyển giao quyết định giải quyết bồi thường thông qua UBND cấp xã
10.	Thủ tục chi trả tiền bồi thường	Cơ quan có trách nhiệm bồi thường
11.	Thủ tục giải quyết khiếu nại về bồi thường nhà nước lần đầu	- Thủ trưởng cơ quan thuộc Sở và cấp tương đương - Giám đốc Sở và cấp tương đương - Chủ tịch UBND cấp tỉnh
12.	Thủ tục giải quyết khiếu nại về bồi thường nhà nước lần hai	- Giám đốc Sở và cấp tương đương - Chủ tịch UBND cấp tỉnh

## B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	CƠ QUAN THỰC HIỆN
<b>I</b>	<b>LĨNH VỰC HÒA GIẢI</b>	
1.	Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	UBND cấp huyện
<b>II</b>	<b>LĨNH VỰC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ</b>	
1.	Thủ tục yêu cầu trợ giúp pháp lý	Chi nhánh của Trung tâm số 1 huyện Ninh Giang; Chi nhánh của Trung tâm số 2 huyện Kinh Môn.
2.	Thủ tục thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý	
<b>III</b>	<b>LĨNH VỰC PHÓ BIẾN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT</b>	
1.	Thủ tục công nhận Báo cáo viên pháp luật	UBND cấp huyện
2.	Thủ tục miễn nhiệm Báo cáo viên pháp luật	UBND cấp huyện
<b>IV</b>	<b>LĨNH VỰC HỘ TỊCH</b>	
1.	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	UBND cấp huyện
2.	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	UBND cấp huyện
3.	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	UBND cấp huyện
4.	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	UBND cấp huyện
5.	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	UBND cấp huyện
6.	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	UBND cấp huyện
7.	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	UBND cấp huyện
8.	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc	UBND cấp huyện
9.	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	UBND cấp huyện
10.	Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	UBND cấp huyện
11.	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	UBND cấp huyện
12.	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	UBND cấp huyện

13.	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	UBND cấp huyện
14.	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	UBND cấp huyện
15.	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	UBND cấp huyện
16.	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch	UBND cấp huyện
<b>V</b>	<b>LĨNH VỰC CHỨNG THỰC</b>	
1.	Cấp bản sao từ sổ gốc	Các cơ quan quản lý sổ gốc
2.	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	Phòng Tư pháp
3.	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	Phòng Tư pháp
4.	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được)	Phòng Tư pháp
5.	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	Phòng Tư pháp
6.	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	Phòng Tư pháp
7.	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản	Phòng Tư pháp
8.	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản	Phòng Tư pháp
9.	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản	Phòng Tư pháp
10.	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	Phòng Tư pháp
11.	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	Phòng Tư pháp
12.	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	Phòng Tư pháp
<b>V</b>	<b>LĨNH VỰC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC</b>	
1.	Thủ tục xác định cơ quan có trách nhiệm bồi thường	UBND cấp huyện
2.	Thủ tục giải quyết bồi thường tại cơ quan có trách nhiệm bồi thường	Cơ quan có trách nhiệm bồi thường
3.	Thủ tục chuyển giao quyết định giải quyết bồi thường	- Cơ quan có trách nhiệm bồi

		thường; - UBND cấp xã nơi cá nhân bị thiệt hại cư trú hoặc nơi tổ chức bị thiệt hại đặt trụ sở, trong trường hợp chuyển giao quyết định giải quyết bồi thường thông qua UBND cấp xã
4.	Thủ tục chi trả tiền bồi thường	Cơ quan có trách nhiệm bồi thường
5.	Thủ tục giải quyết khiếu nại về bồi thường nhà nước lần đầu	- Thủ trưởng cơ quan thuộc UBND cấp huyện - Chủ tịch UBND cấp huyện.
6.	Thủ tục giải quyết khiếu nại về bồi thường nhà nước lần hai	Chủ tịch UBND cấp huyện.

### C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	CƠ QUAN THỰC HIỆN
<b>I</b>	<b>LĨNH VỰC HÒA GIẢI</b>	
1.	Thủ tục bầu hòa giải viên	UBND cấp xã
2.	Thủ tục bầu tổ trưởng tổ hòa giải	UBND cấp xã
3.	Thủ tục thôi làm hòa giải viên	UBND cấp xã
4.	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	UBND cấp xã
<b>II</b>	<b>LĨNH VỰC PHỔ BIẾN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT</b>	
1.	Thủ tục công nhận Tuyên truyền viên pháp luật	UBND cấp xã
2.	Thủ tục cho thôi làm Tuyên truyền viên pháp luật	UBND cấp xã

<b>III</b>	<b>LĨNH VỰC HỘ TỊCH</b>	
1.	Đăng ký khai sinh	
2.	Đăng ký kết hôn	UBND cấp xã
3.	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	UBND cấp xã
4.	Đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con	UBND cấp xã
5.	Đăng ký khai tử	UBND cấp xã
6.	Đăng ký khai sinh lưu động	UBND cấp xã
7.	Đăng ký kết hôn lưu động	UBND cấp xã
8.	Đăng ký khai tử lưu động	UBND cấp xã
9.	Đăng ký giám hộ	UBND cấp xã
10.	Đăng ký chấm dứt giám hộ	UBND cấp xã
11.	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch	UBND cấp xã
12.	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	UBND cấp xã
13.	Đăng ký lại khai sinh	UBND cấp xã
14.	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	UBND cấp xã
15.	Đăng ký lại kết hôn	UBND cấp xã
16.	Đăng ký lại khai tử	UBND cấp xã
17.	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch	UBND cấp xã
18.	Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	UBND cấp xã
19.	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	UBND cấp xã
<b>IV</b>	<b>LĨNH VỰC CHỨNG THỰC</b>	
1.	Cấp bản sao từ sổ gốc	UBND cấp xã
2.	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	UBND cấp xã
3.	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người	UBND cấp xã

	yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được)	
4.	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	UBND cấp xã
5.	Chứng thực di chúc	UBND cấp xã
6.	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	UBND cấp xã
7.	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	UBND cấp xã
8.	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	UBND cấp xã
9.	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	UBND cấp xã
10.	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	UBND cấp xã
11.	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	UBND cấp xã
<b>V LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI</b>		
1.	Đăng ký nuôi con nuôi trong nước	UBND cấp xã
2.	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	UBND cấp xã
<b>VI LĨNH VỰC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC</b>		
1.	Thủ tục giải quyết bồi thường tại cơ quan có trách nhiệm bồi thường trong hoạt động quản lý hành chính	Cơ quan có trách nhiệm bồi thường
2.	Thủ tục chuyển giao quyết định giải quyết bồi thường	UBND cấp xã
3.	Thủ tục chi trả tiền bồi thường trong hoạt động quản lý hành chính	UBND cấp xã
4.	Thủ tục giải quyết khiếu nại về bồi thường nhà nước lần đầu	Chủ tịch UBND cấp xã

**Ghi chú:**

1. UBND các huyện, thị xã, thành phố gọi tắt là UBND cấp huyện.
2. UBND các xã, phường, thị trấn gọi tắt là UBND cấp xã





**Phụ lục II**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐỀ NGHỊ CHÍNH BÀI BỎ**  
*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND*  
*ngày / /2017 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

-----

**I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐỀ NGHỊ CÔNG BỐ BÀI BỎ** (Đã được công bố tại Quyết định số 374/QĐ-UBND ngày 23/01/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh).

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	MÃ HỒ SƠ
<b>I</b>	<b>LĨNH VỰC QUẢN LÝ LUẬT SƯ</b>	
1.	Thủ tục cấp Giấy đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư ( bỏ đi mẫu 1 mẫu đơn	T-HDU-253696-TT
2.	Thủ tục cấp Giấy đăng ký hành nghề Luật sư với tư cách cá nhân	T-HDU-253700-TT
3.	Thủ tục cấp lại giấy đăng ký hoạt động cho tổ chức hành nghề luật sư	T-HDU-253702-TT
4.	Thủ tục cấp lại Giấy đăng ký hành nghề luật sư của Luật sư hành nghề với tư cách cá nhân	T-HDU-253704-TT
5.	Thủ tục cấp Giấy đăng ký hoạt động cho chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư	T-HDU-253706-TT
6.	Thủ tục thành lập Văn phòng giao dịch của tổ chức hành nghề luật sư	T-HDU-253707-TT
7.	Thủ tục Chuyển đổi Công ty luật TNHH một thành viên sang Công ty luật TNHH hai thành viên trở lên và ngược lại	T-HDU-253708-TT
8.	Thủ tục chuyển đổi Văn phòng luật sư thành Công ty luật	T-HDU-253709-TT
9.	Thủ tục cấp Giấy đăng ký hoạt động cho chi nhánh, công ty luật nước ngoài	T-HDU-253710-TT
10.	Thủ tục cấp lại Giấy đăng ký hoạt động cho chi nhánh, công ty luật nước ngoài	T-HDU-253711-TT
11.	thủ tục cấp lại Giấy đăng ký hoạt động cho chi nhánh, công ty luật nước ngoài thay đổi nội dung đăng ký hoạt động	T-HDU-253712-TT

<b>STT</b>	<b>TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b>	<b>MÃ HỒ SƠ</b>
12.	Thủ tục hợp nhất công ty luật	T-HDU-253713-TT
13.	Thủ tục sáp nhập công ty luật	T-HDU-253715-TT
<b>II</b>	<b>LĨNH VỰC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP</b>	
14.	Thủ tục thành lập Văn phòng Giám định tư pháp:	T-HDU-253716-TT
15.	Thủ tục Đăng ký hoạt động Văn phòng Giám định tư pháp	T-HDU-253717-TT
16.	Thủ tục cấp lại Giấy đăng ký hoạt động cho Văn phòng Giám định tư pháp do thay đổi nội dung đăng ký hoạt động; bị mất hoặc hư hỏng Giấy đăng ký hoạt động	T-HDU-253720-TT
17.	Thủ tục thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định của Văn phòng giám định tư pháp.	T-HDU-253722-TT
18.	Thủ tục cấp lại Giấy đăng ký hoạt động cho Văn phòng Giám định tư pháp do thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định tư pháp	T-HDU-253724-TT
19.	Thủ tục chuyển đổi loại hình Văn phòng giám định tư pháp	T-HDU-253726-TT
20.	Thủ tục chấm dứt hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp	T-HDU-256275-TT
21.	Thủ tục bổ nhiệm giám định viên tư pháp	T-HDU-254065-TT
22.	Thủ tục miễn nhiệm giám định viên tư pháp	T-HDU-254099-TT
<b>IV</b>	<b>LĨNH VỰC TƯ VẤN PHÁP LUẬT</b>	
23.	Thủ tục Cấp thẻ tư vấn viên pháp luật	T-HDU-253739-TT
24.	Thủ tục Cấp lại thẻ tư vấn viên pháp luật	T-HDU-253740-TT
25.	Thủ tục Đăng ký hoạt động Trung tâm tư vấn pháp luật	T-HDU-253742-TT
26.	Thủ tục Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm tư vấn pháp luật	T-HDU-253743-TT
27.	Thủ tục Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh Trung tâm Tư vấn pháp luật	T-HDU-253744-TT
28.	Thủ tục chấm dứt hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật trong trường hợp theo quyết định của tổ chức chủ quản	T-HDU-253745-TT
<b>V</b>	<b>LĨNH VỰC TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI</b>	

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	MÃ HỒ SƠ
29.	Thủ tục Đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài	T-HDU-253725-TT
30.	Thủ tục Đăng ký hoạt động Chi nhánh Trung tâm trọng tài	T-HDU-253728-TT
31.	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	T-HDU-253729-TT
32.	Thủ tục Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài	T-HDU-253730-TT
33.	Thủ tục Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài	T-HDU-253731-TT
34.	Chấm dứt hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài	T-HDU-253732-TT
<b>VI</b>	<b>LĨNH VỰC QUỐC TỊCH</b>	
35.	Thủ tục Nhập quốc tịch Việt Nam	T-HDU-253734-TT
36.	Thủ tục Trở lại quốc tịch Việt Nam	T-HDU-253735-TT
37.	Thôi quốc tịch Việt Nam (công dân Việt Nam cư trú ở trong nước)	T-HDU-253736-TT
38.	Thủ tục Cấp giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam	T-HDU-253737-TT
39.	Thủ tục Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam	T-HDU-253738-TT
<b>IX</b>	<b>LĨNH VỰC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN</b>	
40.	Đăng ký danh sách đấu giá viên	T-HDU-253762-TT
<b>X</b>	<b>LĨNH VỰC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC</b>	
41.	Thủ tục bồi thường nhà nước trong hoạt động cấp phiếu Lý lịch tư pháp đăng ký nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài, đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài.	T-HDU-253763-TT

**II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐỀ NGHỊ CÔNG BỐ BÃI BỎ** (Đã được công bố tại Quyết định số 2455/QĐ-UBND ngày 09/6/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp Hải Dương).

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	MÃ HỒ SƠ
I	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH	

1.	Thủ tục yêu cầu trợ giúp pháp lý	T-HDU-279171-TT
2.	Thủ tục thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý	T-HDU-279172-TT
3.	Thủ tục công nhận và cấp thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	T-HDU-279174-TT
4.	Thủ tục cấp lại Thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	T-HDU-279175-TT
5.	Thủ tục thu hồi Thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	T-HDU-279176-TT
6.	Thủ tục đề nghị thanh toán chi phí thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý	T-HDU-279177-TT
7.	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng	T-HDU-279178-TT
8.	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng này sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	T-HDU-279179-TT
9.	Thay đổi nơi tập sự từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	T-HDU-279180-TT
10.	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng trường hợp Người tập sự thay đổi nơi tập sự sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	T-HDU-279181-TT
11.	Tạm ngừng tập sự hành nghề công chứng	T-HDU-279182-TT
12.	Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	T-HDU-279183-TT
13.	Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	T-HDU-279184-TT
14.	Từ chối hướng dẫn tập sự (trường hợp tổ chức hành nghề công chứng không có công chứng viên khác đủ điều kiện hướng dẫn tập sự)	T-HDU-279185-TT
15.	Thay đổi công chứng viên hướng dẫn tập sự trong trường hợp người tập sự đề nghị thay đổi	T-HDU-279186-TT
16.	Thủ tục Thay đổi công chứng viên hướng dẫn tập sự trong trường hợp tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự tạm ngừng hoạt động, chấm dứt hoạt động hoặc bị chuyển đổi, giải thể	T-HDU-279187-TT
17.	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng	T-HDU-279188-TT

18.	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên	T-HDU-279189-TT
19.	Cấp lại Thẻ công chứng viên	T-HDU-279190-TT
20.	Xóa đăng ký hành nghề của công chứng viên	T-HDU-279191-TT
21.	Thành lập Văn phòng công chứng	T-HDU-279192-TT
22.	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng	T-HDU-279193-TT
23.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng	T-HDU-279194-TT
24.	Chấm dứt hoạt động Văn phòng công chứng (trường hợp tự chấm dứt)	T-HDU-279195-TT
25.	Chấm dứt hoạt động Văn phòng công chứng (trường hợp bị thu hồi Quyết định cho phép thành lập)	T-HDU-279196-TT
26.	Thu hồi Quyết định cho phép thành lập Văn phòng công chứng	T-HDU-279197-TT
27.	Hợp nhất Văn phòng công chứng	T-HDU-279198-TT
28.	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng hợp nhất	T-HDU-279199-TT
29.	Sáp nhập Văn phòng công chứng	T-HDU-279200-TT
30.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập	T-HDU-279201-TT
31.	Chuyển nhượng Văn phòng công chứng	T-HDU-279202-TT
32.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng được chuyển nhượng	T-HDU-279203-TT
33.	Chuyển đổi Văn phòng công chứng do một công chứng viên thành lập	T-HDU-279204-TT
34.	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng được chuyển đổi từ Văn phòng công chứng do một công chứng viên thành lập	T-HDU-279205-TT
35.	Thành lập Hội công chứng viên	T-HDU-279206-TT
36.	Công chứng bản dịch	T-HDU-279207-TT
37.	Công chứng hợp đồng, giao dịch soạn thảo sẵn	T-HDU-279208-TT
38.	Công chứng hợp đồng, giao dịch do công chứng viên soạn thảo theo đề nghị của người yêu cầu công chứng	T-HDU-279209-TT
39.	Công chứng việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	T-HDU-279210-TT

40.	Công chứng hợp đồng thế chấp bất động sản	T-HDU-279211-TT
41.	Công chứng di chúc	T-HDU-279263-TT
42.	Công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản	T-HDU-279264-TT
43.	Công chứng văn bản khai nhận di sản	T-HDU-279265-TT
44.	Công chứng văn bản từ chối nhận di sản	T-HDU-279266-TT
45.	Công chứng hợp đồng ủy quyền	T-HDU-279267-TT
46.	Nhận lưu giữ di chúc	T-HDU-279268-TT
47.	Cấp bản sao văn bản công chứng	T-HDU-279269-TT
48.	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	T-HDU-279270-TT
49.	Chấm dứt hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	T-HDU-279271-TT
50.	Thông báo việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	T-HDU-279272-TT
51.	Thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh hoặc thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	T-HDU-279273-TT
52.	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	T-HDU-279274-TT
53.	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của Quản tài viên	T-HDU-279275-TT
54.	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	T-HDU-279276-TT
55.	Tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với Quản tài viên	T-HDU-279277-TT
56.	Tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	T-HDU-279278-TT
57.	Gia hạn việc tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	T-HDU-279279-TT
58.	Hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản trước thời hạn đối với Quản tài viên	T-HDU-279280-TT
59.	Hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản trước thời hạn đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	T-HDU-279281-TT
60.	Thủ tục công nhận Báo cáo viên pháp luật	T-HDU-279282-TT

61.	Thủ tục miễn nhiệm Báo cáo viên pháp luật	T-HDU-279283-TT
62.	Cấp bản sao từ sổ gốc	T-HDU-279284-TT
63.	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận.	T-HDU-279285-TT
64.	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được)	T-HDU-279286-TT
65.	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	T-HDU-279287-TT
66.	Ghi chú việc nuôi con nuôi đã đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	T-HDU-279288-TT
67.	Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	T-HDU-279289-TT
68.	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam	T-HDU-279290-TT
69.	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam)	T-HDU-279291-TT
70.	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan tiến hành tố tụng (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam)	T-HDU-279292-TT
<b>II</b>	<b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN</b>	
71.	Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	T-HDU-279293-TT
72.	Thủ tục yêu cầu trợ giúp pháp lý	T-HDU-279294-TT
73.	Thủ tục thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý	T-HDU-279295-TT
74.	Thủ tục công nhận Báo cáo viên pháp luật	T-HDU-279296-TT
75.	Thủ tục miễn nhiệm Báo cáo viên pháp luật	T-HDU-279297-TT
76.	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	T-HDU-279298-TT
77.	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	T-HDU-279299-TT
78.	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	T-HDU-279300-TT

79.	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	T-HDU-279301-TT
80.	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	T-HDU-279302-TT
81.	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	T-HDU-279303-TT
82.	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	T-HDU-279304-TT
83.	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc	T-HDU-279305-TT
84.	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	T-HDU-279306-TT
85.	Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	T-HDU-279307-TT
86.	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	T-HDU-279308-TT
87.	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	T-HDU-279309-TT
88.	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	T-HDU-279310-TT
89.	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	T-HDU-279311-TT
90.	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	T-HDU-279312-TT
91.	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch	T-HDU-279313-TT
92.	Cấp bản sao từ sổ gốc	T-HDU-279314-TT
93.	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	T-HDU-279315-TT
94.	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	T-HDU-279316-TT
95.	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được)	T-HDU-279317-TT
96.	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	T-HDU-279318-TT
97.	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	T-HDU-279319-TT



98.	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản	T-HDU-279320-TT
99.	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản	T-HDU-279321-TT
100.	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản	T-HDU-279322-TT
101.	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	T-HDU-279323-TT
102.	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	T-HDU-279324-TT
103.	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	T-HDU-279325-TT
<b>III</b>	<b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ</b>	
104.	Thủ tục bầu hòa giải viên	T-HDU-279326-TT
105.	Thủ tục bầu tổ trưởng tổ hòa giải	T-HDU-279327-TT
106.	Thủ tục thôi làm hòa giải viên	T-HDU-279328-TT
107.	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	T-HDU-279329-TT
108.	Thủ tục công nhận Tuyên truyền viên pháp luật	T-HDU-279330-TT
109.	Thủ tục cho thôi làm Tuyên truyền viên pháp luật	T-HDU-279331-TT
110.	Đăng ký khai sinh	T-HDU-279332-TT
111.	Đăng ký kết hôn	T-HDU-279333-TT
112.	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	T-HDU-279334-TT
113.	Đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con	T-HDU-279335-TT
114.	Đăng ký khai tử	T-HDU-279336-TT
115.	Đăng ký khai sinh lưu động	T-HDU-279337-TT
116.	Đăng ký kết hôn lưu động	T-HDU-279338-TT
117.	Đăng ký khai tử lưu động	T-HDU-279339-TT
118.	Đăng ký giám hộ	T-HDU-279340-TT
119.	Đăng ký chấm dứt giám hộ	T-HDU-279341-TT
120.	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch	T-HDU-279342-TT
121.	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	T-HDU-279343-TT
122.	Đăng ký lại khai sinh	T-HDU-279344-TT

123.	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	T-HDU-279345-TT
124.	Đăng ký lại kết hôn	T-HDU-279346-TT
125.	Đăng ký lại khai tử	T-HDU-279347-TT
126.	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch	T-HDU-279348-TT
127.	Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	T-HDU-279349-TT
128.	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	T-HDU-279350-TT
129.	Cấp bản sao từ sổ gốc	T-HDU-279351-TT
130.	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	T-HDU-279352-TT
131.	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được)	T-HDU-279353-TT
132.	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	T-HDU-279354-TT
133.	Chứng thực di chúc	T-HDU-279355-TT
134.	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	T-HDU-279356-TT
135.	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	T-HDU-279357-TT
136.	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	T-HDU-279358-TT
137.	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	T-HDU-279359-TT
138.	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	T-HDU-279360-TT
139.	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	T-HDU-279361-TT
140.	Đăng ký nuôi con nuôi trong nước	T-HDU-279362-TT
141.	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	T-HDU-279363-TT